

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN MỘT SỐ KHOẢN THU VÀ THỎA THUẬN CÁC KHOẢN THU
DỊCH VỤ NĂM HỌC 2024-2025

A. CÁC CĂN CỨ

Căn cứ thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT quy định về công tác Y tế trường học; Thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về quy định mức thu tối đa cho các khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ công văn số 1966/CV-SGDĐT-KHTC ngày 05 tháng 09 năm 2024 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ công văn số 2461 /UBND - GD&ĐT ngày 10/9/2024 của huyện Diễn Châu V/v Triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh Nghệ An; Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024- 2025 trong lĩnh vực giáo dục và Đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn;

Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ và tình hình thực tế của Trường Mầm non Thị Trấn năm học 2024-2025.

Để đảm bảo quy trình thực hiện công tác thu, chi năm học 2024-2025 Trường Mầm non Thị Trấn xây dựng dự thảo kế hoạch các khoản thu và thỏa thuận một số khoản thu, chi dịch vụ cụ thể như sau:

B. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ
NĂM HỌC 2023-2024

I. Thu – chi tiền ăn bán trú của trẻ năm học 2023-2024.

1. Phần thu : 915.762.000 đ

2. Phần chi : 915.762.000 đ

*** Cân đối thu –chi: 0**

II. Thu chi tiền chi phí bán trú năm học 2023-2024.

+ Thu – chi thuê người nấu ăn bán trú:

1. Phần thu : 257.881.000 đ

2. Phần chi : Trả tiền lương cho người nấu ăn: 257.881.000 đ

*** Cân đối thu –chi: 0**

+ Thu – chi tiền chi phí bán trú:

1. Phần thu : 72.233.000 đ

2. Phần chi : 71.837.200 đ

*** Cân đối thu –chi: Còn dư 395.800 đ**

III. Thu – chi tiền các môn Giáo dục tăng cường

1. Làm quen tiếng anh tăng cường 2023-2024

1. Phần thu : 112.634.920 đ

2. Phần chi: 107.288.420 đ

- Chi trả tiền cho trung tâm tiếng anh có giáo viên trực tiếp dạy, tài liệu: 85.902.420 đ

- Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy: 5.346.500 đ

- Chi tiền lương, tiền công cán bộ quản lý, hành chính, phục vụ: 10.693.000 đ

- Chi tiền lương, tiền công giáo viên trực tiếp phục vụ: 10.693.000 đ

*** Cân đối thu –chi: 5.346.500 đ tiền khấu hao TSCĐ**

2. Thu – chi tiền năng khiếu múa tăng cường 2023-2024.

1. Phần thu : 49.120.000 đ

2. Phần chi: 46.644.000 đ

- Chi trả tiền cho trung tâm múa có giáo viên trực tiếp dạy: 36.840.000 đ

- Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy: 2.456.000 đ

- Chi tiền lương, tiền công cán bộ quản lý, hành chính, phục vụ: 4.912.000 đ

- Chi tiền lương, tiền công giáo viên trực tiếp phục vụ: 4.912.00 đ

*** Cân đối thu –chi: 2.456.000 đ tiền khấu hao TSCĐ**

*** Tổng tiền chi khấu hao tài sản cố định 2 môn tiếng anh và múa là: 7.802.500 đ**

- Đã chi xây dựng cơ sở vật chất (lắp đặt điều hoà cho phòng tiếng Anh) số tiền là 7.200.000 đ

- Còn dư số tiền 602.500 đ.

C. KẾ HOẠCH CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024-2025:

I. Thu theo quy định:

Thu Học phí:

Căn cứ Nghị Định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ về việc quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ công văn số 1966/CV-SGDĐT-KHTC ngày 05 tháng 09 năm 2024 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ công văn số 2461 /UBND - GD&ĐT ngày 10/9/2024 của huyện Diễn Châu V/v Triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh Nghệ An; Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024- 2025 trong lĩnh vực giáo dục và Đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn.

- Mức thu học phí quy định đối với xã thuộc Huyện Đồng bằng là (cả nhà trẻ và mẫu giáo): **200.000 đồng/tháng /trẻ**

- Tại Trường MN Thị Trấn năm học 2024-2025 thu học phí mỗi cháu: 200.000 đồng/trẻ/tháng thu theo số tháng trẻ thực học (Trẻ 5 tuổi được miễn học phí theo Nghị Định số 81/2021/NĐ-CP).

II. Các đóng góp tự nguyện

2.1, Tài trợ:

- Thực hiện theo TT 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018 của Bộ GD & ĐT.

2.2, Kinh phí hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh:

- Căn cứ thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD & ĐT ban hành điều lệ Ban đại diện CMHS.

- Thực hiện theo điều 10, thông tư 55 (Sẽ do BCH Hội CMHS trường phối hợp với Ban đại diện CMHS lớp lên kế hoạch cụ thể để thực hiện).

- Trên tinh thần tự nguyện ban đại diện CMHS với phụ huynh các nhóm lớp.

III. Các khoản thu dịch vụ:

1, Thỏa thuận thu, chi tổ chức bán trú:

1.1, Các văn bản làm căn cứ thực hiện:

- Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 của BGD & ĐT;

- Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 của liên Bộ Y Tế-Bộ GD & ĐT;

- Căn cứ Nghị định số: 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ, nghị định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Căn cứ theo quy định tại điều 2 Nghị Quyết 31/2020-HĐND ngày 13/02/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/07/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ an Nghị quyết sửa đổi, bổ sung điều 2, nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020...

Căn cứ công văn số 1966/CV-SGDĐT-KHTC ngày 05 tháng 09 năm 2024 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Căn cứ công văn số 2461 /UBND - GD&ĐT ngày 10/9/2024 của huyện Diễn Châu V/v Triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh Nghệ An; Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024- 2025 trong lĩnh vực giáo dục và Đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn;

- Năm học 2024-2025 Trường Mầm non Thị Trấn có 10 nhóm lớp với tổng số cháu là 280 cháu (trong đó có 01 nhóm trẻ/25 cháu và 9 lớp mẫu giáo/ 255 cháu). Với số lượng cháu như trên nhà trường đã xây dựng kế hoạch thu tổ chức bán trú như sau:

1.2, Mục đích:

Huy động cộng đồng xã hội và cha mẹ học sinh tham gia vào quá trình giáo dục đồng thời đóng góp tiền cùng nhà trường thực hiện công việc nấu ăn, chăm sóc trẻ bán trú.

Bảo đảm các điều kiện nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ trong năm học 2024-2025.

1.3, Đối tượng được hưởng lợi:

Đối tượng được hưởng lợi trực tiếp là học sinh của nhà trường.

1.4, Hình thức huy động:

Việc huy động nguồn kinh phí tổ chức bán trú cho trẻ được thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh.

Quá trình quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức bán trú cho trẻ phải đúng mục đích và dân chủ, công khai, minh bạch theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Luật số: 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc Hội về luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ tài chính về việc quản lý thu, chi tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước. Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính.

KẾ HOẠCH KHOẢN THU DỊCH VỤ NĂM HỌC 2024-2025:

1. Tiền ăn của trẻ Mẫu giáo và Nhà trẻ:

TT	Nội dung dự kiến thu	Nội dung dự kiến chi	Số tiền	Ghi chú
	Tiền ăn của trẻ Mẫu giáo và Nhà trẻ : 20.000 đồng/ trẻ/ ngày	Tiền thực phẩm	19.000	
		Tiền chất đốt	1.000	Theo thực tế

2. Chi phí phục vụ tổ chức bán trú:

TT	Nội dung, diễn giải	Số tiền
	TỔNG CỘNG CÁC NỘI DUNG	300.873.600
I	Chi trả tiền công nhân viên nuôi dưỡng: 6 cô x 4.500.000 đồng/ tháng x 9 tháng	243.000.000
II	Chi phí vật tư tiêu hao phục vụ tổ chức bán trú	57.873.600
1	Chi mua đồ dùng vệ sinh (okay, nước lau sàn,giấy vệ sinh, xà phòng ..)	32.472.000

2	Chi mua nước uống tăng thêm do tổ chức bán trú	25.401.600
---	--	------------

+ Chi trả tiền công nhân viên nuôi dưỡng là 243.000.000 đồng. Như vậy dự kiến trả tiền công nhân viên nuôi dưỡng tính cho mỗi học sinh/ tháng là =243.000.000 đồng/ 280 học sinh/ 9 tháng = 96.500 đồng/ học sinh/ tháng ((làm tròn số).

+ Chi trả tiền vật tư tiêu hao là 57.873.600 đồng. Như vậy dự kiến thu tiền vật tư tiêu hao tính cho mỗi học sinh/ năm là =57.873.600 đồng/ 280 học sinh/9 tháng = 23.000 đồng/ học sinh/ tháng (làm tròn số)

3. Chi phí mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú

3.1	BỔ SUNG ĐỒ DÙNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ NHÀ BẾP:				
TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bình lưu mẫu	Cái	12	25.000	300.000
2	Tem lưu mẫu thực phẩm	Cái	200	7.000	1.400.000
3	Thớt gỗ nghiền	Cái	2	550.000	1.100.000
4	Nạo trắng	Cái	20	10.000	200.000
5	Thìa Inox cho trẻ	Cái	50	6.000	300.000
6	Đũa xào	Đôi	5	10.000	50.000
7	Dao thái	Cái	3	300.000	900.000
8	Rổ nhôm	Cái	10	55.000	550.000
9	Kéo to	Cái	2	135.000	270.000
10	Lưỡi dao máy xay thịt	Cái	2	150.000	300.000
11	Khăn lau khay	Cái	12	10.000	120.000
12	Bao tay tiện lợi	Hộp	36	15.000	540.000
13	Bao tay giun	Cái	54	20.000	1.080.000
	Cộng				7.110.000

3.2. BỔ SUNG ĐỒ DÙNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ TẠI NHÓM LỚP:

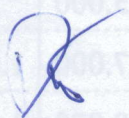
TT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chổi lau nhà	Cái	10	90.000	900.000
2	Chổi cước thái	Cái	10	35.000	350.000
3	Chổi đót (2 cái/năm)	Cái	20	50.000	1.000.000

4	Trang gạt nước	Cái	4	50.000	200.000
5	Khăn lau tay	Cái	20	12.000	240.000
	TỔNG CỘNG				2.690.000

+ Tổng số Chi phí mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú là 9.800.000 đồng. Như vậy dự kiến chi phí tổ chức bán trú tính cho mỗi học sinh/tháng là $= 9.800.000 \text{ đồng} / 280 \text{ học sinh} = 35.000 \text{ đồng/ học sinh/ năm học}$.

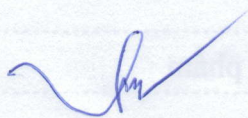
Trên đây là dự thảo kế hoạch thực hiện các khoản thu và thỏa thuận các khoản thu dịch vụ năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Thị Trấn.

**ĐẠI DIỆN HỘI CMHS TRƯỜNG
HỘI TRƯỞNG**



Võ Minh Dũng

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hoa

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hiền

TT	Tên tổ chức	BVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí nhà	CM	10	90.000	900.000
2	Chi phí nước điện	CM	10	32.000	320.000
3	Chi phí (3 năm)	CM	20	50.000	1.000.000